TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **142**/2022/DS-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Ông Nguyễn Quang Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2020/TLST - DS, ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 310/2022/QĐST-DS, ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường R, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu H: Ông Huỳnh Thảo L, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: đường B, phường M, thành phố LX, An Giang. Theo Giấy ủy quyền được Văn Phòng Công chứng Huỳnh Minh Hoàng, chứng nhận có số công chứng 1179, ngày 29/12/2020.

Bị đơn: Bà Trương Thị Tuyết Ng, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm M, phường Q, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: đường Tr, khóm Đ, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trương Đức H, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường R, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại: đường Tr, khóm Đ, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2/ Ông Trần Trung Th, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm M, phường Q, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: Ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Vào ngày 29 tháng 8 năm 2020 bà có cho bà Trương Thị Tuyết Ng là chị chồng vay số tiền 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng, lãi suất là 1,5%/tháng để bổ sung vốn kinh doanh và mua đất. Bà Ng có làm biên nhận mượn tiền của bà ghi ngày 29 tháng 8 năm 2020 nhưng không ghi lãi suất. Kể từ khi nhận tiền vay đến nay bà Ng không đóng lãi cho bà theo thoả thuận. Bà điện thoại yêu cầu bà Ng trả nợ gốc cũng như tiền lãi thì bà Ng tránh né, hứa hẹn không thực hiện. Ngày 24, 25 tháng 12 năm 2020 bà có gửi văn bản thông báo yêu cầu bà Ng trả tiền nhưng bà Ng vẫn không thực hiện.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Tuyết Ng có nghĩa vụ trả cho bà tiền nợ gốc là 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2020 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Trương Thị Tuyết Ng thể hiện ý kiến tại tờ tự khai ngày 08 tháng 3 năm 2021 và tờ tự khai bổ sung không ghi ngày, tháng 5 năm 2021:

Bà là chị ruột của ông Trương Đức H chồng của bà Nguyễn Thị Thu H. Quá trình kinh doanh gỗ do cần vốn nên bà có thoả thuận vay tiền của vợ chồng bà H. Bà vay tiền rất nhiều lần, lãi suất mỗi lần khác nhau nhưng thường vay với lãi suất 09%/tháng. Biên nhận mà bà đã xác nhận ngày 29 tháng 8 năm 2020 số tiền vay 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng xuất phát từ nhiều khoản vay trước đến ngày 14 tháng 6 năm 2020 bà H mới liệt kê chi tiết các khoản nợ cho đến ngày 01 tháng 8 năm 2020. Trong đó: Tổng số tiền bà vay là 7.480.000.000 (Bảy tỷ, bốn trăm tám mươi triệu) đồng; lãi phải trả theo thoả thuận là 1.537.140.000 (Một tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng, đã trả lãi 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng; tiền lãi còn nợ 1.417.140.000 (Một tỷ, bốn trăm mười bảy triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 8.867.140.000

(Tám tỷ, tám trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Do chồng của bà H là ông Trương Đức H có mượn của bà số tiền là 2.776.000.000 (Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi sáu triệu) đồng cho nên sau khi trừ cấn thì phần bà còn nợ là 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng như biên nhận nợ mà bà đã ký nhận. Số tiền này bà không nhận một lần tiền mặt và bà cũng đã đóng lãi cho bà H rất nhiều, vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Do đó, bà không đồng ý trả số tiền 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng theo biện nhận đã ký nhận. Bà đồng ý trả nợ cho bà H số tiền 4.562.860.000 (Bốn tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi nghìn) đồng, sau khi đã trừ 1.537.140.000 (Một tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền lãi. Bà yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Đức H thể hiện ý kiến đối với nội dung tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thu H và bà Trương Thị Tuyết Ng tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 4 năm 2022:

Bà Nguyễn Thị Thu H là vợ ông, còn bà Trương Thị Tuyết Ng là chị ruột của ông. Khi vợ ông và chị của ông đối chiếu tiền vay mượn thì do ông có thiếu chị ông số tiền là 2.776.000.000 (Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi sáu triệu) đồng nên vợ ông đồng ý sẽ trả số tiền này thay cho ông. Sau đó thì ông đã trả số tiền này lại cho vợ ông. Số tiền vợ ông cho chị ông mượn trước khi trừ số tiền của ông mượn là bao nhiêu thì ông không biết do đây là công việc làm ăn của vợ ông và chị ông. Số tiền 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng vợ ông và chị ông đang tranh chấp là tiền riêng của vợ ông không liên quan đến ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trung Th không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa ngày 31 tháng 8 năm 2022:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Trương Thị Tuyết Ng có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng, theo biên nhận ngày 29 tháng 8 năm 2020. Riêng đối với yêu cầu về lãi suất tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2020 bà H yêu cầu bà Ng trả lãi suất là 1,5%/tháng, tương đương 18%/năm. Nay bà H thay đổi yêu cầu về mức lãi suất, chỉ yêu cầu bà Ng có nghĩa vụ trả lãi với mức lãi suất 10%/năm, từ ngày 29/8/2020 đến ngày Tòa án xét xử vì mặc dù hai bên thoả thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng nhưng biên nhận ngày 29 tháng 8 năm 2020 không thể hiện và bà Ng có tranh chấp về lãi suất. Yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ" theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số **05**/QĐ-BPKCTT, ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên. Tài sản phong toả: Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 604120 (CH15228), ngày 08 tháng 4 năm 2020 cho Huỳnh Thái D, Nguyễn Thị Diễm Tr (Đến ngày 10 tháng 6 năm

2020 thực hiện thủ tục đăng ký những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận với nội dung: Chuyển nhượng cho bà Trương Thị Tuyết Ng, sinh năm 1972 CMND 352428483; địa chỉ số 14, khóm Mỹ Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Theo hồ sơ số 4847/2020); với tổng diện tích sử dụng là 85,5m^2, loại đất ở tại đô thị. Diện tích đất tọa lạc tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 56, của phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Tài sản gắn liền với đất là: Nhà ở với tổng diện tích xây dựng là 85,5m^2; diện tích sàn là 267,3m^2; nhà loại 2.1.

Bị đơn bà Trương Thị Tuyết Ng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Đức H, ông Trần Trung Th vắng mặt nên không có ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn bà Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Th không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Ng có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng và lãi suất 10%/năm từ ngày 29 tháng 8 năm 2020 cho đến ngày Toà án xét xử; tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số **05**/QĐ-BPKCTT, ngày 01 tháng 6 năm 2021 để bảo đảm cho việc thi hành án của bà Ng cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu bà Ng trả tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Ng có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà H ủy quyền cho ông Huỳnh Thảo L. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, ông L tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền cho bà H theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Bà Ng, ông Th được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Bà H vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Ông H vắng mặt có đơn yêu cầu vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà Ng, ông H, ông Th.

[2.3] Về xem xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2020 bà H yêu cầu bà Ng trả lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng (18%/năm) tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất chỉ yêu cầu bà Ng trả lãi với mức lãi suất 10%/năm. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Về nội dung vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu bà Ng trả số tiền 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của mình bà H cung cấp bản chính biên nhận nợ ngày 29 tháng 8 năm 2020 với nội dung "*Chị Hai có mượn của Hằng 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu)"*. Biên nhận bà Ng ký tên và ghi rõ họ tên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà Ng cho rằng trong số tiền 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng có tiền lãi nhập gốc và lãi vượt giới hạn quy định của pháp luật. Toà án đã ra Thông báo số 108/TB-TA, ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ (Bút lục số 235) để yêu cầu bà Ng: Có văn bản xác định rõ số tiền gốc 7.480.000.000 (Bảy tỷ, bốn trăm tám mươi triệu) đồng mà bà trình bày xuất phát từ bao nhiêu biên nhận vay, thời gian nhận và số tiền nhận của từng biên nhận, việc thỏa thuận thời gian trả nợ và lãi suất của từng biên nhận như thế nào, số tiền lãi và gốc đã trả được của từng biên nhận, căn cứ xác định số tiền lãi là 1.537.140.000 (Một tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng; cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc giao nhận, tiền vay; giao trả tiền vay; trả tiền lãi. Tuy nhiên, bà Ng không có văn bản, cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc số tiền 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng là có lãi nhập gốc và mức lãi vượt giới hạn quy định của pháp luật. Đồng thời do lời khai của các bên có mâu thuẫn nên Tòa án cũng đã thông báo về việc tiến hành đối chất giữa các bên để làm rõ số tiền 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng là có lãi nhập gốc nhưng bà Ng không tham dự phiên đối chất. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định trong số tiền 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng bà H yêu cầu là có lãi nhập gốc và lãi vượt mức giới hạn quy định của pháp luật.

Tại biên nhận ngày 29 tháng 8 năm 2020 không thể hiện mức lãi các bên thoả thuận nhưng tại các tờ tự khai bà Ng gửi cho Toà án đều xác định việc vay tiền giữa bà và bà H là có lãi; bên cạnh đó biên nhận không thể hiện thời hạn vay, các bên cũng không đề cập đến thời hạn trả tiền. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ vay giữa các bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho*

vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý". Đối với việc thông báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý, bà H có cung cấp cho Toà án "*Văn bản thông báo yêu cầu trả nợ vay và lãi ngày 24/12/2020 và 25/12/2020*", kèm theo là xác nhận của bưu cục Mỹ Long ngày 24/12/2020, 25/12/2020 về việc gửi các thông báo này cho bà Ng; mặc dù bà H không cung cấp được giấy báo phát kết quả gửi các thông báo này cho bà Ng. Tuy nhiên từ thời điểm Toà án thụ lý đến nay bà Ng cũng biết được việc bà H yêu cầu trả nợ nhưng bà Ng vẫn không thực hiện. Đến thời điểm hiện tại bà Ng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc bà đã trả số tiền 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng cho bà H nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định bà đã hoàn thành nghĩa vụ trả tiền cho bà H. Đối với biên nhận ngày 29 tháng 8 năm 2020 bà Ng thừa nhận là do bà xác lập. Do đó, yêu cầu trả số tiền 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng của bà H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Mặc dù hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không có chứng cứ nào xác định mức lãi suất hai bên xác lập là 9%/tháng (như bà Ng trình bày) hay 1,5%/tháng (như bà H trình bày). Hiện tại các bên có tranh chấp về lãi, bà Ng có yêu cầu điều chỉnh lại mức lãi theo quy định pháp luật. Trong trường hợp này theo quy định của pháp luật lãi suất sẽ được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ, tương ứng mức lãi 10%/năm. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà Ng trả lãi với mức lãi suất 10%/năm. Do đó, yêu cầu của bà H là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi bà Ng phải trả cho bà H cụ thể từ ngày 29 tháng 8 năm 2020 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022 là 732 ngày: 6.100.000.000 đồng x 10%/năm x 732 ngày = 1.223.342.000 (Một tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Tổng gốc và lãi bà Ng phải trả cho bà H: 7.323.342.000 (Bảy tỷ, ba trăm hai mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

[4] Đối với yêu cầu duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời: Bà H yêu cầu duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số **05**/QĐ-BPKCTT, ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên. Tài sản yêu cầu duy trì là: Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 604120 (CH15228), ngày 08 tháng 4 năm 2020 cho Huỳnh Thái D, Nguyễn Thị Diễm Tr (Đến ngày 10 tháng 6 năm 2020 thực hiện thủ tục đăng ký những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận với nội dung: Chuyển nhượng cho bà Trương Thị Tuyết Ng, sinh năm 1972 CMND 352428483; địa chỉ số 14, khóm Mỹ Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long

Xuyên, tỉnh An Giang. Theo hồ sơ số 4847/2020); với tổng diện tích sử dụng là 85,5m^2, loại đất ở tại đô thị. Diện tích đất tọa lạc tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 56, của phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Tài sản gắn liền với đất là: Nhà ở với tổng diện tích xây dựng là 85,5m^2; diện tích sàn là 267,3m^2; nhà loại 2.1.

Đối với tài sản áp dụng khẩn cấp tạm thời Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng bà Ng cố tình vắng mặt; Tòa án đã ra thông báo số 108/TB-TA, ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ (Bút lục số 235) yêu cầu bà Ng cung cấp thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng, thế chấp, tặng cho đối với tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba nhưng bà Ng không cung cấp. Đối với ông Th là người nhận chuyển nhượng nhà đất theo thông tin Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên cung cấp tại Công văn số 68/CNLX-ĐK, ngày 29 tháng 3 năm 2022 Toà án đã đưa ông Th vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan nhưng ông Th không có yêu cầu độc lập, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét yêu cầu của ông đối với nhà đất bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trường hợp ông Th có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng với bà Ng liên quan đến tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì ông Th sẽ thực hiện quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Do bà Ng phải thực hiện nghĩa vụ với bà H nên yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà H là cần thiết cho việc thi hành án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền bảo đảm: 410.000.000 (Bốn trăm mười triệu) đồng trong tài khoản phong tỏa 70110000667495, chủ tài khoản Nguyễn Thị Thu H; tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang; địa chỉ: Số 185, khóm 5, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số **05**/QĐ-BPBĐ, ngày 31/5/2021 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên. Bà H được nhận lại tiền bảo đảm đã nộp.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng. Bà H tự nguyện chịu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H: Buộc bà Trương Thị Tuyết Ng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 7.323.342.000 (Bảy tỷ, ba trăm hai mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn) đồng đã vay theo biên nhận do bà Trương Thị Tuyết Ng ký nhận ngày 29 tháng 8 năm 2020. Trong đó: Tiền nợ gốc là 6.100.000.000 (Sáu tỷ, một trăm triệu) đồng và tiền nợ lãi là 1.223.342.000 (Một tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số **05**/QĐ-BPKCTT, ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tài sản bị phong tỏa là:

Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 604120 (CH15228), ngày 08 tháng 4 năm 2020 cho Huỳnh Thái D, Nguyễn Thị Diễm Tr (Đến ngày 10 tháng 6 năm 2020 thực hiện thủ tục đăng ký những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận với nội dung: Chuyển nhượng cho bà Trương Thị Tuyết Ng, sinh năm 1972 CMND 352428483; địa chỉ số 14, khóm Mỹ Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Theo hồ sơ số 4847/2020); với tổng diện tích sử dụng là 85,5m^2, loại đất ở tại đô thị. Diện tích đất tọa lạc tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 56, của phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tài sản gắn liền với đất là: Nhà ở với tổng diện tích xây dựng là 85,5m^2; diện tích sàn là 267,3m^2; nhà loại 2.1.

3/ Bà Nguyễn Thị Thu H được nhận lại 410.000.000 (Bốn trăm mười triệu) đồng tiền bảo đảm trong tài khoản phong tỏa 70110000667495, chủ tài khoản Nguyễn Thị Thu H; tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang; địa chỉ: Số 185, khóm 5, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số **05**/QĐ-BPBĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2021.

4/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Tuyết Ng phải nộp 115.323.000 (Một trăm mười lăm triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu H được nhận lại 57.050.000 (Năm mươi bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007421 ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

6/ Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Trương Thị Tuyết Ng, ông Trương Đức H, ông Trần Trung Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bé Thu